ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 522/BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 01 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO

Kết quả triển khai Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn xã Đại Đồng

(Số liệu tính đến hết ngày 30/9/2026)

Thực hiện Công văn số 4294/UBND-KGVX ngày 07/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phối hợp triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế; Kế hoạch số 4532/KH-SYT ngày 11/7/2026 của Sở Y tế về triển khai Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế tỉnh Hưng Yên; Công văn số 6471/SYT-VP ngày 29/9/2026 của Sở Y tế về việc báo cáo triển khai thực hiện Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu;

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo kết quả thực hiện các nội dung thuộc phạm vi quản lý như sau:

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI

Ủy ban nhân dân đã ban hành Quyết định số 441/QĐ – UBND ngày 15/7/2026 của UBND xã về việc thành lập Tổ dữ liệu triển khai Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn xã trong đó đồng chí phó chủ tịch UBND làm tổ trưởng, các tổ phó gồm giám đốc trạm Y tế, trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, trưởng Công an xã và thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong tổ. Đã tổ chức rà soát các dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; thực hiện kiểm tra, đối chiếu, làm sạch, bổ sung và cập nhật thông tin nhằm bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất và phù hợp với tình trạng thực tế.

Các nội dung được tập trung rà soát gồm:

1. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS;

2. Cơ sở dữ liệu về khám bệnh, chữa bệnh;

3. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia;

4. Hệ thông thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em và sức khỏe sinh sản;

5. Cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế;

6. Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em;

7. Cơ sở dữ liệu người khuyết tật;

8. Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế;

9. Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm;

10. Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội;

11. Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội;

12. Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội;

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Cơ sở dữ liệu lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS

- Tổng số dữ liệu/đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 21
- Số lượng đã rà soát: 21
- Số lượng dữ liệu đúng, đủ: 21
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 0
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 0
- Tỷ lệ hoàn thành: 100%.

2. Cơ sở dữ liệu về khám bệnh, chữa bệnh

- Tổng số dữ liệu đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 1.623
- Số lượng đã rà soát: 1.623
- Số lượng dữ liệu đúng, đủ: 1623
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 0
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 0
- Tỷ lệ hoàn thành: 100%.

3. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia

- Tổng số dữ liệu/đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 13.112
- Số lượng đã rà soát: 12.907
- Số lượng dữ liệu đúng, đủ: 8.635
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 1.118
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 205
- Tỷ lệ hoàn thành: 98,4%.

4. Hệ thông thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em và sức khỏe sinh sản

- Tổng số dữ liệu/đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 16
- Số lượng đã rà soát: 16
- Số lượng dữ liệu đúng, đủ: 16
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 0
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 0
- Tỷ lệ hoàn thành: 100%.

5. Cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế

- Tổng số dữ liệu/đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 22
- Số lượng đã rà soát: 22
- Số lượng dữ liệu đúng, đủ: 22
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 0
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 0
- Tỷ lệ hoàn thành: 100%.

6. Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em

- Tổng số dữ liệu/đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 8.572
- Số lượng đã rà soát: 8.491
- Số lượng dữ liệu đúng, đủ: 8.491
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 0
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 81
- Tỷ lệ hoàn thành: 99%.

7. Cơ sở dữ liệu người khuyết tật

- Tổng số dữ liệu/đối tượng thuộc phạm vi quản lý: 407
- Số lượng đã rà soát: 407

8. Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế

Tại địa phương có 01 trạm Y tế và 02 điểm trạm đã thực hiện rà soát 03/03

9. Cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm

Đã thực hiện rà soát 87/87 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý.

10. Cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội

Trên địa bàn phường hiện không có cơ sở trợ giúp xã hội nên không phát sinh dữ liệu.

11. Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội

- Tổng số quản lý 1.665 đối tượng
- Đã rà soát 1.665
- Số liệu đúng, đủ 1.665
- Số lượng dữ liệu sai, thiếu, trùng lặp đã xử lý: 0
- Số lượng còn tồn tại, chưa xử lý: 0
- Tỷ lệ hoàn thành: 100%.

12. Cơ sở dữ liệu người làm công tác xã hội

Đã hoàn thành các hồ sơ, đạt 100%.

III. NHỮNG TỒN TẠI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Trong quá trình rà soát, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu tiêm chủng, Ủy ban nhân dângặp một số khó khăn như sau:

- Trường hợp cá nhân không sinh sống tại địa phương: trong cơ sở dữ liệu vẫn thể hiện địa chỉ cư trú tại địa bàn xã, không có số điện thoại hoặc thông tin liên hệ của gia đình/người giám hộ gây khó khăn trong việc xác minh và cập nhật thông tin.

- Trường hợp cá nhân sống tại địa Phương: thông tin cá nhân chưa đầy đủ, đặc biệt là số điện thoại liên hệ, thôn và địa chỉ cư trú hiện tại, nên Ủy ban nhân dânkhông có đủ thông tin để liên hệ, xác minh

- Quá trình đẩy lên cổng thông tin của bộ thường xuyên bị nghẽn mạng nên gặp nhiều khó khăn

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Y tế và các đơn vị chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ Trạm trong quá trình rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa dữ liệu; đồng thời hỗ trợ xử lý các trường hợp dữ liệu chưa đồng bộ, sai lệch hoặc cần xác minh thông tin trên các hệ thống chuyên ngành. Hướng dẫn cụ thể phương án xử lý đối với các trường hợp không còn sinh sống trên địa bàn nhưng vẫn đang được ghi nhận địa chỉ tại xã trên hệ thống tiêm chủng. Có phương án cập nhật, điều chỉnh hoặc chuyển quản lý đối với các đối tượng đã chuyển khỏi địa bàn, nhằm bảo đảm dữ liệu tiêm chủng đúng, đủ, sạch và phản ánh đúng tình trạng cư trú thực tế. Đối với những trường hợp không có đủ thông tin để xác minh sau khi Ủy ban nhân dân đã thực hiện rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn cách ghi nhận và xử lý trên hệ thống, tránh việc Trạm tự ý sửa hoặc xóa thông tin khi chưa có căn cứ xác thực.

Trên đây là báo cáo kết quả làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa 12 dữ liệu về Y tế. Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng tiếp tục duy trì việc cập nhật, bổ sung và chuẩn hóa dữ liệu thường xuyên, bảo đảm dữ liệu thuộc phạm vi quản lý được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;
- Văn phòng sở Y tế;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG THỊNG YÊN

Trần Văn Thành

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM SẠCH, LÀM GIÀU, CHUẨN HÓA DỮ LIỆU KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ)

(Kèm theo Báo cáo số 522 /BC-UBND ngày 01 /10/2026 của UBND xã Đại Đồng)

Stt	Xã/phường/đơn vị	Tổng số bệnh án	Nội trú	Ngoại trú	Tồn tại/vướng mắc
1	Xã Đại Đồng (trạm Y tế)	Đang thực hiện	Đang thực hiện	Đang thực hiện	Đang khám sức khỏe toàn dân

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ LÀM SẠCH, LÀM GIÀU, CHUẨN HÓA 11 CƠ SỞ DỮ LIỆU CÒN LẠI

(Kèm theo Báo cáo số 522 /BC-UBND ngày 01 /10/2026 của UBND xã Đại Đồng)

Stt	Cơ sở dữ liệu	Tổng số bản ghi phải rà soát	Đã rà soát	Đã làm sạch	Đã chuẩn hóa	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Số xã/phường hoàn thành 100%	Số xã/phường chưa hoàn thành	Khó khăn, vướng mắc
1	CSDL về nhân lực y tế	22	22	22	22	100	1	0	Không
2	CSDL môi trường cơ sở y tế	03	03	03	03.	100	1	0	Không
3	CSDL cơ sở trợ giúp xã hội	Không phát sinh	Không phát sinh	Không phát sinh	Không phát sinh	Không phát sinh	Không phát sinh	Không phát sinh	Trên địa bàn không có cơ sở trợ giúp xã hội
4	CSDL người khuyết tật	407	407	407	407	100	1	0	Không
5	CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV/AIDS	21	21	21	21	100	0	1	
6	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	13.112	12.907	12.907	12.907	98,4	0	1	Còn 643 trường hợp chưa nhập được CCCD, sai lệch họ tên, địa chỉ, tổ dân phố, chuyển nơi ở.
7	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản	16	16	16	16	100	1	0	

Stt	Cơ sở dữ liệu	Tổng số bản ghi phải rà soát	Đã rà soát	Đã làm sạch	Đã chuẩn hóa	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Số xã/phường hoàn thành 100%	Số xã/phường chưa hoàn thành	Khó khăn, vướng mắc
8	CSDL quản lý trẻ em	8.572	8.491	8.491	8.491	99,00	0	1	Còn 107 trường hợp đang tra cứu số định danh cá nhân, xác minh biến động cư trú.

Ghi chú: Tỷ lệ hoàn thành = Đã làm sạch/Tổng số bản ghi phải rà soát; số tồn đọng xử lý dứt điểm trước 31/10/2026.